TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2018
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đào Đình Phúc** và bà **Đoàn Thị Chuyền**.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông **Nguyễn Văn Hùng -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thuỷ -** Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đào Thị N**, sinh năm 1995

ĐKHKTT: Thôn M, xã T, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã T, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, có mặt

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1986

ĐKHKTT: Thôn M, xã T, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương., vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Đào Thị N trình bầy:

Chị và anh Trần Văn L kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 28-3-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận chỉ được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt. Ngay từ những ngày đầu tiên về chung sống, chị và anh L chỉ như hai người bạn cùng giới, không hề có sự quan tâm, chia sẻ kể cả việc tế nhị của vợ chồng; anh L nhiều lần có lời lẽ xúc phạm, đuổi chị về. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn và suy nghĩ theo hướng tích cực để cải thiện tình trạng của vợ chồng nhưng mọi cố gắng của chị đều không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối tháng 6/2018. Vợ chồng chính thức ly thân từ đó, không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L không có con chung;

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Chị xác định không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Trần Văn L trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau chưa được một tháng thì chị N tự bỏ về nhà đẻ ở, anh và gia đình đã sang tìm chị N về đoàn tụ nhưng chị Nhung không đồng ý, anh không biết lý do vì sao, thỉnh thoảng anh gọi điện, nhắn tin nhưng chị N không trả lời. Anh thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 4/2018 đến nay. Khi thấy chị N không muốn về chung sống cùng anh, không còn tình cảm với anh nên anh vào Phú Quốc, Kiên Giang làm kinh tế, anh đang ở nhờ và không đăng ký tạm trú, anh đồng ý việc Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị N. Anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị N xin ly hôn, anh đồng ý.

Anh xác định vợ chồng không có con chung; anh không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung.

Tại phiên toà, chị N vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị N được ly hôn anh Trần Văn L.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Chị N, anh L không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Trần Văn L là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đào Thị N và anh Trần Văn L kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền Phong, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 28-3-2018, đây là hôn nhân hợp pháp.

Ngay sau khi kết hôn, cuộc sống chung của chị Nhung, anh Luân đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Nhung nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp

nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ kể cả những việc tế nhị của vợ chồng; về phía anh Luân xác định vợ chồng chung sống chưa được một tháng thì chị Nhung bỏ về nhà bố mẹ đẻ và anh không biết nguyên nhân, lý do tại sao chị Nhung lại xử sự như vậy. Anh, chị thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 6/2018, không còn khả năng đoàn tụ. Chị Nhung xin ly hôn, anh Luân đồng ý.

Lời khai của chị Nhung, anh Luân về quá trình vợ chồng chung sống phù hợp với kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, lời khai của những người làm chứng có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa chị Nhung và anh Luân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nhung được ly hôn anh Luân là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Nhung, anh Luân đều xác định vợ chồng không có con chung.

[4] *Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức*: Chị Nhung, anh Luân không yêu cầu nên Toà án không phải giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Đào Thị Nhung khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị Nhung được ly hôn anh Trần Văn Luân.

2- Về con chung: Không có.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Chị Nhung, anh Luân không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

4- Về án phí: Chị Đào Thị Nhung phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện theo biên lai số AB/2014/0004260 ngày 05-10-2018.

5- Về quyền kháng cáo: Chị Nhung được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Luân được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Tiền Phong;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Quyên